

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 75/2019/DS-PT

Ngày: 19/3/2019.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng  
góp hụi và yêu cầu hủy hợp  
đồng tặng cho quyền sử  
dụng đất”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sâm Hương.**

**Các Thẩm phán: Ông Mai Hoàng Khải.**

**Bà Trần Thị Kim Em.**

**- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trinh** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Lê Thị Thắm** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 13 tháng 3 và 19 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi và yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 167/2018 /DS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐ-PT ngày 21/01/2019 giữa các đương sự:

\*Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Mỹ Hảo, sinh năm 1979

Địa chỉ: phường A, thành phố M, tỉnh T (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/6/2018) (có mặt).

\* Bị đơn:

- Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1965 (xin vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh T.

\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Võ Thị P, sinh năm 1961;

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979;

Địa chỉ: phường A, thành phố M, tỉnh T (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/6/2018) (có mặt).

-Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968;  
Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh T.  
Đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979;  
Địa chỉ: phường A, thành phố M, tỉnh T (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/6/2018) (có mặt).

- Bà Huỳnh Thị R, sinh năm 1975;  
Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh T.  
Đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979;  
Địa chỉ: phường A, thành phố M, tỉnh T (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/6/2018) (có mặt).

-Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958;  
Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh T.  
Đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979;  
Địa chỉ: phường A, thành phố M, tỉnh T (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/6/2018) (có mặt).

-Anh Bùi Văn T, sinh năm 1980 (có mặt).

- Chị Bùi Thị M, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh T.

- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Địa chỉ: khu phố B, phường C, thị xã C, tỉnh T.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Thanh T. Chức vụ: Phó giám đốc chi nhánh phụ trách. (Xin vắng mặt)

\*Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị P, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị R, Nguyễn Thị T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo án sơ thẩm,*

*\* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H do chị Nguyễn Thị Mỹ H đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Vợ chồng ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị H có tham gia chơi 06 dây hụi do bà Nguyễn Thị Hồng H làm chủ hụi, cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/10/2015 al, mãn hụi ngày 10/12/2017 al, có 28 phần, vợ chồng ông Đ bà H tham gia 02 phần. Phần 1: vợ chồng ông Đ bà H hốt hụi vào kỳ khai hụi lần thứ 02 (Ngày 10/11/2015 al) được 19.740.000 đồng. Phần 2: vợ chồng ông Đ bà H hốt hụi vào kỳ khai hụi lần 04 (Ngày 10/01/2016 al) được 19.900.000 đồng. Sau đó vợ chồng ông Đ bà H có đóng hụi chết đến kỳ khai hụi thứ 22 của cả hai phần hụi thì ngưng không đóng nữa, bà H phải đóng choàng hụi chết cho vợ chồng ông Đ, bà H mỗi phần là 06 kỳ x 1.000.000 đồng/kỳ x 02 phần = tổng số tiền là 12.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/10/2015 al, mãn hụi ngày 10/12/2017 al, có 28 phần, vợ chồng ông Đ bà H tham gia 02 phần. Phần 1: vợ chồng ông Đ bà H hốt hụi vào kỳ khai hụi lần thứ 06 (Ngày

10/3/2016 al) được 22.600.000 đồng. Phần 2: vợ chồng ông Đ bà H hốt hụi vào kỳ khai hụi lần 08 (Ngày 10/04/2016 al) được 21.880.000 đồng. Sau đó vợ chồng ông Đ, bà H có đóng hụi chết đến kỳ khai hụi thứ 22 của cả hai phần hụi thì ngưng không đóng nữa, bà H phải đóng choàng hụi chết cho vợ chồng ông Đ, bà H mỗi phần là 06 kỳ x 1.000.000 đồng/kỳ x 02 phần = tổng số tiền là 12.000.000 đồng.

- Dây thứ ba: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/10/2015 al, mãn hụi ngày 20/11/2017al, có 27 phần, vợ chồng ông Đ bà H tham gia 01 phần và hốt hụi vào kỳ khai hụi lần 06 (Ngày 20/3/2016 al) được 20.460.000 đồng. Sau đó vợ chồng ông Đ, bà H có đóng hụi chết đến kỳ khai hụi 22 thì ngưng không đóng nữa, bà H phải đóng choàng hụi chết cho vợ chồng ông Đ, bà H là 05 kỳ x 1.000.000 đồng/kỳ = tổng số tiền là 5.000.000 đồng.

- Dây thứ tư: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/4/2016 al, mãn hụi ngày 15/8/2018 al, có 30 phần, vợ chồng ông Đ, bà H tham gia 02 phần. Phần 1: vợ chồng ông Đ, bà H hốt hụi vào kỳ khai hụi lần thứ 03 (Ngày 15/6/2016 al) được 23.100.000 đồng. Phần 2: vợ chồng ông Đ, bà H hốt hụi vào kỳ khai hụi lần 04 (Ngày 15/7/2016 al) được 23.300.000 đồng. Sau đó vợ chồng ông Đ bà H có đóng hụi chết đến kỳ khai hụi thứ 16 của cả hai phần hụi thì ngưng không đóng nữa, bà H phải đóng choàng hụi chết cho vợ chồng ông Đ, bà H mỗi phần là 14 kỳ x 1.000.000 đồng/kỳ x 02 phần = tổng số tiền là 28.000.000 đồng.

- Dây thứ năm: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/11/2016 al, mãn hụi ngày 20/11/2018 al, có 26 phần, vợ chồng ông Đ, bà H tham gia 03 phần. Phần 1: vợ chồng ông Đ, bà H hốt hụi vào kỳ khai hụi lần thứ 02 (Ngày 20/12/2016 al) được 37.400.000 đồng. Phần 2: vợ chồng ông Đ, bà H hốt hụi vào kỳ khai hụi lần 05 (Ngày 20/3/2017al) được 39.760.000 đồng. Phần 3: vợ chồng ông Đ, bà H hốt hụi vào kỳ khai hụi lần 07 (Ngày 20/5/2017al) được 40.070.000 đồng. Sau đó vợ chồng ông Đ, bà H có đóng hụi chết đến kỳ khai hụi thứ 09 của cả ba phần hụi thì ngưng không đóng nữa, bà H phải đóng choàng hụi chết cho vợ chồng ông Đ, bà H mỗi phần là 17 kỳ x 2.000.000 đồng/kỳ x 03 phần = tổng số tiền là 102.000.000 đồng.

- Dây thứ sáu: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 30/02/2017 al, mãn hụi ngày 30/12/2018 al, có 24 phần, vợ chồng ông Đ, bà H tham gia 02 phần. Phần 1: vợ chồng ông Đ, bà H hốt hụi vào kỳ khai hụi lần thứ 01 (Ngày 30/12/2017 al) được 34.200.000 đồng. Phần 2: vợ chồng ông Đ, bà H hốt hụi vào kỳ khai hụi lần 04 (Ngày 30/5/2017 al) được 34.400.000 đồng. Sau đó vợ chồng ông Đ, bà H có đóng hụi chết đến kỳ khai hụi thứ 06 của cả hai phần hụi thì ngưng không đóng nữa, bà H phải đóng choàng hụi chết cho vợ chồng ông Đ, bà H mỗi phần là 18 kỳ x 2.000.000 đồng/kỳ x 02 phần = tổng số tiền là 72.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền hụi ông Đ, bà H nợ tính đến mãn hụi là 231.000.000 đồng. Ngày 12/01/2018, vợ chồng ông Đ, bà H đã trả cho bà H tổng số tiền là

71.937.000 đồng, sau đó có trả nhiều lần được 17.000.000đ nữa nên hiện còn lại 142.063.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 21/9/2017 tại tổ hòa giải ấp Đ bà H thừa nhận toàn bộ số tiền nợ trên và hứa bán đất trả nợ nhưng sau đó lén lút tặng cho con là Bùi Văn T toàn bộ đất đai, tài sản của bà nhằm tẩu tán tài sản.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc vợ chồng ông Đ, bà H cùng liên đới trả số tiền nợ hui tính đến mãi hui là 142.063.000đ, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật;

- Hủy hợp đồng tặng cho tài sản giữa bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Văn Đ và anh Bùi Văn T đối với tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 1.856,3m<sup>2</sup> thuộc thửa số 452, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh T, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02717 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Bùi Văn Đ đứng tên.

- Hủy xác nhận tặng cho Bùi Văn T theo hồ sơ số 364835.TA.003 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 27/9/2017 đối với quyền sử dụng đất nêu trên.

\* *Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:* Bà H thừa nhận vợ chồng bà có tham gia chơi 06 dây hui do bà Nguyễn Thị Hồng H làm đầu thảo. Hiện tại vợ chồng bà còn nợ bà H số tiền hui là 142.063.000đ (tính đến khi hui mãi), bà cũng đồng ý trả cho bà H số tiền 142.063.000đ nhưng không xác định được ngày trả cụ thể là ngày nào. Riêng đối với phần đất 1.856,3m<sup>2</sup> là do vợ chồng bà chuyển nhượng cho vợ chồng anh Bùi Văn T nhưng để giảm tiền thuế nên mới lập thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất. Nay bà không đồng ý hủy bỏ hợp đồng này.

\* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn T và chị Bùi Thị M trình bày:* Vào khoảng năm 2004, vợ chồng anh, chị có cho ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị H mượn một số tiền, đến năm 2014 vợ chồng anh, chị với ông Đ, bà H thỏa thuận chuyển nhượng phần đất 1.856,3m<sup>2</sup> thuộc thửa số 452, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh T, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02717 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Bùi Văn Đ đứng tên cho vợ chồng anh, chị với giá 1.100.000.000đ. Hai bên có lập hợp đồng mua bán viết tay. Đến năm 2017 anh, chị mới lập thủ tục sang tên chuyển quyền sử dụng đất. Do anh T là con ruột của ông Đ, bà H nên đã lập thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất chứ không lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhằm giảm bớt tiền thuế. Nay anh, chị không đồng ý hủy bỏ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất theo yêu cầu và bà H, bà L, bà R, bà T và bà P.

\* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C trình bày:* Bà Nguyễn Thị Hồng H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T, bà Huỳnh Thị R và bà Võ Thị P yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho tài sản giữa bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Văn Đ và anh Bùi Văn T đối với tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 1.856,3m<sup>2</sup> thuộc thửa số 452, tờ bản đồ số 19, tọa

lạc tại ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh T, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02717 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Bùi Văn Đ, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C không có ý kiến.

\* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 167/2018/DS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C quyết định xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H. Buộc bị đơn ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền hui tổng cộng là 142.063.000đ, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng H và các yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T, bà Huỳnh Thị R và bà Võ Thị P đòi hủy hợp đồng tặng cho tài sản giữa bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Văn Đ và anh Bùi Văn T đối với tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 1.856,3m<sup>2</sup> thuộc thửa số 452, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh T, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02717 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Bùi Văn Đ đứng tên và hủy xác nhận tặng cho Bùi Văn T theo hồ sơ số 364835.TA.003 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 27/9/2017 đối với quyền sử dụng đất kể trên.

Tại Phiên tòa Phúc thẩm chị Nguyễn Thị Mỹ H đại diện cho bà Nguyễn Thị Hồng H, Võ Thị P, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị R, Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn Nguyễn Thị H không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Anh Bùi Văn T và chị Bùi Thị M không đồng ý với yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: yêu cầu kháng cáo của bà P, bà H, bà R, bà L, bà T là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận, giữ nguyên bản án số 167/2018/DS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự và Kiểm sát viên.

[1]. Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Hồng H, bà Võ Thị P, bà Nguyễn Thị L, bà Huỳnh Thị R, bà Nguyễn Thị T ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Mỹ H.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Tòa Sơ thẩm xác định tranh chấp “Hợp đồng góp hui và yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” là đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

được quy định tại các Điều 471, 457, 459, 500, 501, 502, 503 Bộ luật dân sự 2015.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng H và Võ Thị P, bà Nguyễn Thị L, bà Huỳnh Thị R, bà Huỳnh Thị T Hội đồng xét xử nhận định: Trong các năm 2015, 2016, 2017 ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị H có tham gia 06 dây hụi do bà Nguyễn Thị Hồng H làm đầu thảo. Sau khi mãn hụi, ông Đ, bà H còn nợ số tiền 231.000.000 đồng ngày 12/01/2018 ông Đ, bà H trả cho bà H số tiền là 71.937.000 đồng sau đó trả nhiều lần được 17.000.000 đồng nên hiện còn nợ lại bà H số tiền là 142.063.000 đồng. Ngoài ra bà H cho rằng vào ngày 21/9/2017 tại tổ hòa giải ở ấp Đ, bà H thừa nhận còn nợ bà H toàn bộ số tiền trên và hứa bán đất trả nợ nhưng sau đó lại tặng cho con Bùi Văn Tg diện tích đất 1856,3 m<sup>2</sup> thuộc thửa 452, tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện C tỉnh T. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà H liên đới trả cho bà H số tiền 142.063.000 đồng, đồng thời yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Bùi Văn Đ và anh Bùi Văn T đối với thửa 452, diện tích 1856,3 m<sup>2</sup>, hủy giấy xác nhận tặng cho Bùi Văn T theo hồ sơ số 364835 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 27/9/2017 đối với quyền sử dụng đất kể trên, nguyên đơn yêu cầu hủy giấy xác nhận tặng cho anh T theo hồ sơ 364835 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C, qua đối chiếu chứng cứ có trong hồ sơ thì số hồ sơ của hợp đồng tặng cho là số 366102.TA.003 do đó cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ. Tại phiên tòa bà H thừa nhận hốt hết các phần hụi do bà H làm chủ có tu bỏ vào căn nhà, căn nhà được xây dựng trên thửa đất 452, diện tích 1856.3 m<sup>2</sup> đã tặng cho anh T vào ngày 27/9/2017 nhà và đất trên là tài sản duy nhất của ông Đ, bà H.

Hội đồng xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà H, bà P, bà L, bà R, bà T là có cơ sở. Bởi lẽ, ngày 21/9/2017 theo biên bản hòa giải lần hai của ấp Đ (BL 20), bà Nguyễn Thị H đồng ý bán đất để hoàn trả tiền cho các chủ hụi, bà H không thực hiện đúng cam kết đến ngày 27/9/2017 ông Đ làm hợp đồng tặng cho diện tích 1856.3m<sup>2</sup> trên cho anh Bùi Văn T nhà đất trên là tài sản duy nhất của ông Đ, bà H nhưng lại tặng cho anh T để tránh nghĩa vụ đối với các chủ nợ. Tại khoản 2 Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “Trường hợp xác lập giao dịch dân sự giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba thì giao dịch dân sự đó vô hiệu”. Đối chiếu với quy định của pháp luật thì việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Đ và anh T lập ngày 27/9/2017 theo hồ sơ số 366102.TA.003 của văn phòng đăng ký đất đai huyện C đối với quyền sử dụng nêu trên là vô hiệu. Để đảm bảo quyền lợi của bà H, bà P, bà R, bà T, bà L, Hội đồng xét xử thấy cần thiết hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Đ và anh T và giấy xác nhận tặng cho Bùi Văn T theo hồ sơ số 366102.TA.003 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 27/9/2017 đối với quyền sử dụng đất thửa 452, diện tích 1856.3m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Đ, xã T huyện C, tỉnh T.

Từ những phân tích trên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T, bà Huỳnh Thị R, bà Võ Thị P; Sửa một phần bản án số 167/2018/DS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng H.

Buộc ông Đ, bà H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền hui là 142.063.000 đồng. Thực hiện việc trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H và các yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T, bà Huỳnh Thị R, bà Võ Thị P; hủy hợp đồng tặng cho tài sản giữa bà Nguyễn Thị H, anh Bùi Văn T, ông Bùi Văn Đ đối với tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 1856.3m<sup>2</sup> thuộc thửa 452, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh T, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH02717 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Bùi Văn Đ đứng tên và hủy giấy xác nhận tặng cho anh Bùi Văn T theo hồ sơ số 366102.TA.003 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C lập ngày 27/9/2017 đối với quyền sử dụng đất nêu trên.

Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T là không phù hợp với nhận định trên do đó không chấp nhận.

[4]. Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T, bà Huỳnh Thị R, bà Võ Thị P được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 148, Điều 228, Điều 244, khoản 2 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 124, Điều 357, Điều 471 Bộ Luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 27, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T, bà Huỳnh Thị R, bà Võ Thị P; Sửa một phần bản án số 167/2018/DS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng H.

Buộc bị đơn Bùi Văn Đệ và bà Nguyễn Thị Hai cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền hui là 142.063.000 đồng. Thực hiện việc trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng H và các yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T, Bà Huỳnh Thị R và bà Võ Thị P.

Hủy hợp đồng tặng cho tài sản giữa bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Văn Đ và anh Bùi Văn T đối với tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 1856.3 m<sup>2</sup> thuộc thửa 452, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh T, theo giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số CH.02717 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Bùi Văn Đ đứng tên và hủy xác nhận tặng cho anh Bùi Văn T theo hồ sơ số 366102.TA.003 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 27/9/2017 đối với quyền sử dụng đất nêu trên.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

#### 4. Về án phí:

4.1. Bà Nguyễn Thị Hồng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm án phí dân sự phúc thẩm. Bà H đã nộp 4.576.000 đồng tạm ứng theo các biên lai thu số 15685, 15686 ngày 20/6/2018, biên lai thu số 16220 ngày 12/12/2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện C nên được hoàn lại.

4.2. Ông Bùi Văn Đệ và bà Nguyễn Thị H phải chịu 7.103.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.3. Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm, bà T đã nộp 600.000 đồng tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 15679 ngày 20/6/2018 và biên lai thu số 16216 ngày 12/12/2018 của chi cục thi hành án huyện C, nên được hoàn lại.

4.4. Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm, bà L đã nộp 600.000 đồng tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 15675 ngày 20/6/2018 và biên lai thu số 16218 ngày 12/12/2018 của chi cục thi hành án huyện C nên được hoàn lại.

4.5. Bà Võ Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm, bà L đã nộp 600.000 đồng tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 15676 ngày 20/6/2018 và biên lai thu số 16219 ngày 12/12/2018 của chi cục thi hành án huyện C nên được hoàn lại.

4.6. Bà Huỳnh Thị R không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm, bà R đã nộp 600.000 đồng tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 15688 ngày 20/6/2018 và biên lai thu số 16217 ngày 12/12/2018 của chi cục thi hành án huyện C nên được hoàn lại.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 19/3/2019 có mặt chị H, bà H, anh T, chị M.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh T;
- TAND huyện Cai L;
- Chi cục THADS huyện C;

**Nguyễn Thị Sâm Hương**



